

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **105/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 08-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Đoàn Quốc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Phượng L, sinh năm 1981 (có mặt).

ĐKHKT: Ấp 9, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Quang Văn H, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

ĐKHKT: Ấp 9, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Phượng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quang Văn H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chưa có con. Những năm gần đây anh H thường hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng gay

gắt không thể hàn gắn được. Gia đình hai bên đã có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2019, anh Quang Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Cách đây 03 năm thì chị L bỏ đi không còn sống chung với anh. Anh không đồng ý ly hôn. Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu. Đồng thời, anh H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng về nhiệm vụ quyền hạn theo quy của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đúng về nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Phụng L về việc ly hôn với anh Quang Văn H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2019 bị đơn là anh Quang Văn H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung: Chị Lê Phụng L và anh Quang Văn H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/11/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Phụng L, thấy rằng: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị L yêu cầu được ly hôn với anh H vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn gay gắt, không thể chung sống với nhau được nữa. Đối với ý kiến của anh H tại biên bản ghi lời khai, anh cho rằng đời sống vợ chồng giữa anh và chị L không phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên anh H cũng xác định anh và chị L đã không còn sống chung từ 03 năm trước. Xét thấy thời gian chị L và anh H không sống chung đã lâu nhưng anh H không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H đều thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Phượng L ly hôn với anh Quang Văn H.

- Về án phí: Chị Lê Phượng L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Lê Phượng L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004465 ngày 05/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã K, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý